



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 11 tháng 02 năm 2026)

Sĩ số: 615 trẻ (Trung tâm: 317; Hải Đông: 298 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					10.721.500		5.512.000		5.209.500
1	Bí xanh	35.000	Kg	30,1	1.053.500	17	595.000	13,1	458.500
2	Mùi tàu	60000	Kg	0,4	24.000	0,2	12.000	0,2	12.000
3	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	2,1	105.000	0,7	35.000	1,4	70.000
4	Gừng tươi	60.000	Kg	1	60.000	0,5	30.000	0,5	30.000
5	Hành khô	60.000	Kg	0,8	48.000	0,4	24.000	0,4	24.000
6	Hành lá	45.000	Kg	1,0	45.000	0,5	22.500	0,5	22.500
7	hạt sen	200.000	Kg	1,1	220.000	0,6	120.000	0,5	100.000
8	Rau mùi	85.000	Kg	1,1	93.500	0,6	51.000	0,5	42.500
9	Thịt gà	130.000	Kg	39,5	5.135.000	20	2.600.000	19,5	2.535.000
10	Tim lợn	370000	Kg	3,0	1.110.000	1,5	555.000	1,5	555.000
11	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	17,5	2.275.000	9	1.170.000	8,5	1.105.000
13	Xương ống lợn	85.000	Kg	6,5	552.500	3,5	297.500	3	255.000
Nhóm xuất kho					3.744.000		1.944.500		1.799.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	58,0	1.160.000	29	580.000	29	580.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1,0	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	0,6	9.000	0,3	4.500	0,3	4.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	1,5	90.000	1	60.000	0,5	30.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	10,5	2.415.000	5,5	1.265.000	5	1.150.000
Tổng chi					14.465.500		7.456.500		7.009.000
Tổng thu					14.464.800		7.455.840		7.008.960
Tồn ngày hôm trước					1.740		940		800
Thừa (Thiếu)					1.040		280		760

317	298	615
23.520		

